

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-09-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Kim Uyên

Ông Phạm Văn Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1979

Nơi đăng ký HKTT: số 142/98A Nguyễn Huỳnh Đ, phường K, thành phố T, tỉnh Long An

Chỗ ở hiện nay: số 37/24 Nguyễn Văn C, phường K, thành phố T, tỉnh Long An, vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1971

Địa chỉ: số 142/98A Nguyễn Huỳnh Đ, phường K, thành phố T, tỉnh Long An, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn G kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là phường K), thị xã Tân An (nay là thành phố T), tỉnh Long An vào năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông G gây nợ nần dẫn đến tính tình thay đổi, ông G hay khó chịu với bà, không tin tưởng bà như trước kia, đa nghi và thường ghen tuông vô cớ với bà. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 5 năm 2022 đến nay. Nay bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông G.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/10/2002 và Nguyễn Thành H, sinh ngày 04/3/2004. Hai con chung đều đã thành niên.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Xuân H kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là phường K), thị xã Tân An (nay là thành phố T), tỉnh Long An năm 2001. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông làm ăn thua lỗ nên có nợ một số tiền lớn nhưng ông vẫn đảm bảo phụ giúp bà H chi tiêu sinh hoạt gia đình. Do ông nợ nần nên bà H thường xuyên khó chịu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tình cảm vợ chồng nhạt dần. Ngoài ra, bà H có kết bạn và thường xuyên liên lạc với bạn bè trên mạng xã hội nên ông nhận thấy bà H không quan tâm ông như trước kia dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà H vẫn nộp đơn yêu cầu ly hôn. Vợ chồng sống ly thân từ đầu tháng 5 năm 2022 đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn với bà H vì ông muốn vợ chồng cùng tạo cơ hội hàn gắn tình cảm thêm 01 năm để các con an tâm ổn định việc học và công việc.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/10/2002 và Nguyễn Thành H, sinh ngày 04/3/2004. Hai con chung đều đã thành niên

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành và vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Trong quá trình tố tụng, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông G, ông G không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Nguyễn Văn G là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do ông Nguyễn Văn G làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng nhạt dần. Bà H và ông G đã ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay. Ông G có hàn gắn tình cảm nhưng bà H vẫn kiên quyết ly hôn. Nhận thấy mục đích hôn nhân của bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Nguyễn Văn G không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân H đối với ông Nguyễn Văn G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Xuân H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn G. Ông Nguyễn Văn G có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 142/98A Nguyễn Huỳnh Đ, phường K, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt. Quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Nguyễn Văn G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã K (nay là phường K), thị xã Tân An (nay là thành phố T), tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 9 năm 2002 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, bà H và ông G chung sống hạnh phúc được 20 năm và có 02 con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ việc ông G làm ăn thua lỗ gây nợ nần nên vợ chồng xảy ra xích mích, cãi vã, bất đồng quan điểm, ông G không còn tin tưởng bà H, nghi ngờ bà H không chung thủy có người đàn ông khác, thường xuyên gây gỗ xúc phạm danh dự của nhau làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Cả hai không còn tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông G.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Xuân H và ông Nguyễn Văn G có 02 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 21/10/2002 và Nguyễn Thành H, sinh ngày 04/3/2004. Hai người con chung đã thành niên nên không đề cập.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Phát biểu của kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân H đối với ông Nguyễn Văn G về yêu cầu ly hôn

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn với ông Nguyễn Văn G.

Về con chung: Đã thành niên nên không đề cập

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Xuân H đã nộp theo biên lai thu số 0001624 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà Nguyễn Thị Xuân H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND phường K, tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Diễm Hằng**